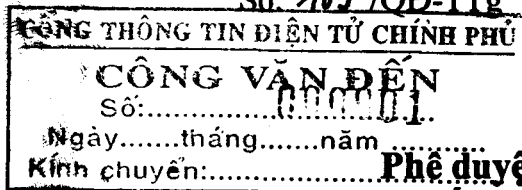


Số: 169 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2030 với những nội dung chính sau:

1. Tính chất: là trung tâm giao lưu phát triển kinh tế, gồm: thương mại, công nghiệp, du lịch, dịch vụ; là đầu mối giao thông quan trọng; có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

2. Phạm vi, ranh giới quy mô lập Quy hoạch chung xây dựng:

Khu kinh tế cửa khẩu An Giang có diện tích tự nhiên khoảng 26.583 ha, bao gồm: khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương, khu vực cửa khẩu Khánh Bình và khu vực cửa khẩu Tịnh Biên, trong đó:

a) Khu vực cửa khẩu Khánh Bình:

Phạm vi giới hạn khu vực cửa khẩu Khánh Bình có diện tích tự nhiên khoảng 7.412 ha, gồm thị trấn Long Bình và các xã Khánh Bình, Khánh An, Quốc Thái, Nhơn Hội và Phú Hữu thuộc huyện An Phú, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp sông Bình Di và Vương Quốc Campuchia;
- Phía Nam giáp xã Phú Hội, xã Phước Hưng, huyện An Phú;
- Phía Đông giáp xã Phú Hữu, huyện An Phú;
- Phía Tây giáp sông Bình Di và Vương quốc Campuchia;

b) Khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương:

Phạm vi giới hạn khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương có diện tích tự nhiên khoảng 9.916 ha thuộc thị xã Tân Châu, bao gồm các xã Tân An, Tân Thạnh (trước đây là xã Tân An); xã Vĩnh Xương, Vĩnh Hòa, Phú Lộc, Long An; phường Long Thạnh, Long Hưng, Long Châu, Long Sơn và Long Phú (trước đây là thị trấn Tân Châu), có ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp biên giới Campuchia;
- Phía Nam giáp các xã phía Nam của thị xã Tân Châu;
- Phía Đông giáp Sông Tiền đoạn từ biên giới Campuchia tới Tân Châu;
- Phía Tây giáp huyện An Phú.

c) Khu vực cửa khẩu Tịnh Biên:

Phạm vi giới hạn khu vực cửa khẩu Tịnh Biên có diện tích tự nhiên khoảng 9.255 ha bao gồm thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Nhà Bàng và các xã: An Nông, An Phú, Nhơn Hưng thuộc huyện Tịnh Biên, có ranh giới như sau:

- Phía Tây giáp biên giới Campuchia;
- Phía Nam giáp các xã Lê Trì, huyện Tri Tôn;
- Phía Đông - Bắc giáp thị xã Châu Đốc;
- Phía Đông giáp xã Thới Sơn, An Cư, huyện Tịnh Biên.

3. Quy mô dân số và đất đai:

a) Quy mô dân số:

- Dự kiến đến năm 2020: khoảng 160.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 50.000 người;

- Dự kiến đến năm 2030 khoảng 180.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 80.000 người.

b) Quy mô đất đai:

- Dự kiến đến năm 2020 khoảng 3.200 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 750 - 1.000 ha.

- Dự kiến đến năm 2030 khoảng 4500 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.200 - 1.600 ha.

4. Mục tiêu:

Phát triển kinh tế Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang, hình thành đầu mối giao lưu kinh tế, giao thông vận tải quan trọng trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang và vùng đồng bằng sông Cửu

Long; xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

5. Các chỉ tiêu chính:

a) Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị:

Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị bình quân giai đoạn đến năm 2020 khoảng 100 - 120 m²/người; đến năm 2030 khoảng 150 - 200 m²/người.

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Giao thông: diện tích đất dành cho giao thông giai đoạn đến năm 2020 chiếm 12 - 15% đất xây dựng đô thị, giai đoạn đến năm 2030 chiếm 18 - 20% đất xây dựng đô thị; mật độ đường chính đối với khu vực cửa khẩu và đô thị giai đoạn đến năm 2020 đạt 3,5 km/km², giai đoạn đến năm 2030 đạt 4,5 km/km².

- Cấp nước: chỉ tiêu cấp nước giai đoạn đến năm 2020 khoảng 100 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ cấp nước đạt 80% dân số; giai đoạn đến năm 2030 khoảng 120 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ cấp nước đạt 100% dân số. Chỉ tiêu cấp nước công nghiệp khoảng 40 m³/ha;

- Cấp điện: chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt giai đoạn đến năm 2020 khoảng 600 kWh/người năm; đến năm 2030 khoảng 800 kWh/người năm; chỉ tiêu cấp điện công nghiệp khoảng 100 - 200 kW/ha; chỉ tiêu cấp điện cho hoạt động dịch vụ, thương mại khoảng 40 - 50%.

- Thoát nước bẩn: chỉ tiêu tính toán nước thải bằng 80% chỉ tiêu cấp nước. Nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường đạt tỷ lệ 70%.

- Vệ sinh môi trường: chỉ tiêu rác thải 1,2 kg/người ngày.

6. Các yêu cầu nghiên cứu:

Định hướng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, gồm 3 khu vực cửa khẩu được xác định trong mối quan hệ kinh tế xã hội với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và quốc tế, bao gồm:

a) Đề xuất mô hình phát triển đối với từng khu vực của khẩu Vĩnh Xương, Tịnh Biên và Khánh Bình thuộc Khu kinh tế cửa khẩu An Giang dựa trên nguyên tắc kết nối với hệ thống đô thị trong tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Đề xuất hướng phát triển không gian của từng khu vực cửa khẩu thuộc Khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

c) Đề xuất các phương án phân khu chức năng: xác định khu phi thuế quan, khu vực phát triển đô thị, các trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn, khu vực phát triển công nghiệp, khu vực dự trữ phát triển, khu vực sinh thái, khu du lịch nghỉ dưỡng, vùng nông nghiệp, vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, vùng bảo tồn thiên nhiên...đối với từng khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương, Tịnh Biên và Khánh Bình.

d) Đề xuất phân khu chức năng và cơ cấu tổ chức không gian của từng khu vực cửa khẩu thuộc Khu kinh tế cửa khẩu An Giang bao gồm:

- Khu vực phi thuế quan;
- Khu vực đô thị, gồm khu hành chính, khu dân cư đô thị, thương mại - dịch vụ, khu công viên, cây xanh....;
- Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và hệ thống kho bãi;
- Khu du lịch, lâm viên....;
- Các khu dân cư nông thôn;
- Hệ thống các khu công viên cây xanh, mặt nước, không gian mở;
- Các khu bảo tồn, cấm hoặc hạn chế phát triển: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các khu an ninh, quốc phòng, hạn chế phát triển tại các khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp có chức năng kết hợp là vành đai sinh thái...

đ) Đề xuất định hướng kiến trúc, cảnh quan cho từng khu vực cửa khẩu (Vĩnh Xương, Tịnh Biên và Khánh Bình) và đối với các khu chức năng: khu vực Quốc môn, trạm kiểm soát liên hợp, các trục không gian chính, không gian cây xanh, mặt nước và các công trình quan trọng trong khu vực cửa khẩu.

e) Đề xuất định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, hiện đại đáp ứng mục tiêu phát triển, nhu cầu sử dụng, bảo đảm mỹ quan, an toàn và vệ sinh môi trường của Khu kinh tế cửa khẩu, cụ thể:

- Giao thông:

+ Việc xác định mạng lưới giao thông đối ngoại phải dựa trên nghiên cứu mối quan hệ vùng, quốc gia, gồm quốc lộ 91, tuyến N1 và N2 với tuyến tỉnh lộ 956, 957 (đối với khu vực cửa khẩu Khánh Bình); tuyến tỉnh lộ 952, 953, 954 (đối với khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương); tuyến tỉnh lộ 55, 948 (đối với khu vực cửa khẩu Tịnh Biên) bảo đảm sự kết nối giữa các khu vực cửa khẩu với các tuyến giao thông vùng và quốc gia;

+ Khai thác mạng lưới giao thông thủy (sông Bình Di, sông Hậu, sông Tiền, sông Châu Đốc) nhằm phục vụ phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu;

+ Đề xuất các giải pháp về mạng lưới giao thông đối với từng khu vực cửa khẩu trong Khu kinh tế cửa khẩu đảm bảo gắn kết khu thương mại cửa khẩu, khu đô thị cửa khẩu, các đô thị và các khu chức năng trong Khu kinh tế.

- Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

Xác định cốt không chế xây dựng theo khu vực, các trục giao thông chính của từng khu vực trong Khu kinh tế cửa khẩu trên nguyên tắc tôn trọng điều kiện địa hình tự nhiên, tận dụng cảnh quan, thiên nhiên, giữ lại hệ thống sông, rạch để hỗ trợ tiêu thoát nước và tạo cảnh quan cho đô thị. Đề xuất các giải pháp về thoát nước mưa (lưu vực và hướng thoát, hệ thống cống).

- Cấp nước:

Xác định nguồn cấp nước theo nhu cầu, vị trí, quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chủ yếu, đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước mặt và ngầm.

- Cấp điện:

Xác định nguồn cấp điện, công suất, nhu cầu phụ tải, vị trí, quy mô nhà máy cấp điện, trạm biến áp, các hành lang tải điện và mạng lưới phân phối chính cùng các thông số kỹ thuật chủ yếu.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Xác định vị trí và quy mô các trạm xử lý nước thải, công trình xử lý chất thải rắn; giải pháp và mạng lưới thoát nước chính, hồ điều hòa và các giải pháp bảo vệ môi trường;

+ Xác định vị trí, quy mô các khu nghĩa trang đảm bảo yêu cầu sử dụng đất tiết kiệm và vệ sinh môi trường;

- Thông tin liên lạc: xác định công trình đầu mối và mạng lưới thông tin liên lạc.

g) Đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất giải pháp hạn chế ảnh hưởng tới môi trường.

h) Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với dự báo nguồn lực, đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

i) Dự thảo Quy định quản lý theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

7. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch: thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, cụ thể:

a) Phần bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và mối quan hệ vùng tỷ lệ 1/50.000;
- Bản đồ hiện trạng đối với từng khu vực cửa khẩu tỷ lệ 1/10.000;
- Các bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đối với từng khu vực cửa khẩu theo từng giai đoạn quy hoạch tỷ lệ 1/10.000;
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đối với từng khu vực cửa khẩu tỷ lệ 1/10.000;
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, các tuyến đường xây dựng mới tỷ lệ 1/10.000 đối với từng khu vực cửa khẩu;
- Các bản vẽ thiết kế đô thị theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần thuyết minh: gồm Báo cáo thuyết minh theo quy định, các văn bản pháp lý có liên quan, tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng.

8. Tổ chức thực hiện:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu An Giang;

b) Cơ quan quản lý dự án quy hoạch và trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

c) Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng;

d) Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thời gian lập đồ án: 12 tháng sau khi nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có trách nhiệm bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang; phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang đến năm 2030.

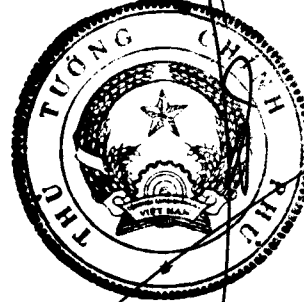
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh An Giang;
- Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu An Giang;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: VT, KTN (4b) Nghĩa (40)

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải